

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2019/HS-PT

Ngày: 06 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

Ông Lê Thành Tôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 207/2019/TLPT-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Phước H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2019/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Phước H (thường gọi là C), sinh ngày 29/12/1999 tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Số x, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N; vợ và con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

Ngoài ra còn có 04 bị cáo không có kháng cáo, 03 bị cáo có kháng cáo nhưng rút kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Huy K và Huỳnh Hiếu N là bạn bè quen biết với nhau.

Khoảng 14 giờ ngày 29/7/2018, K có đăng hình ảnh trên mạng Facebook thì N vào tham gia bình luận và có những lời lẽ khiếm nhã nên cả hai xảy ra cãi vã.

Lúc này, K hẹn gặp N tại quán nước giải khát gần công viên thành phố S, tọa lạc khóm T, phường A, thành phố S để giải quyết mâu thuẫn thì được N đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô biển số xxxxx đến điểm hẹn gặp K thì cả hai tiếp tục cãi vã, K có dùng tay đánh một cái trúng vào vùng mặt của N và làm cho xe của N bị hư hỏng nhẹ. N điện thoại gặp Lê Cao Kim N1 (chị em bạn dì với N) nhờ N1 điện thoại yêu cầu K phải sửa chữa xe cho N nhưng K không đồng ý. Sau đó N1, N và Nguyễn Hoàng T cùng nhau đến nhà của K tại ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp gặp chị Trang Thị Cẩm L (mẹ K) yêu cầu phải sửa chữa xe cho N nhưng chị L không đồng ý nên cả nhóm đi về thành phố S.

Đến khoảng 18 giờ 45 phút ngày 29/7/2018, K đang ngồi uống nước cùng với Phạm Thanh H tại quán giải khát H thuộc xã T, thành phố S thì N1 tiếp tục điện thoại kêu K đến cầu T tọa lạc khóm T, phường A, thành phố S để giải quyết việc bồi thường tiền sửa xe cho N thì K đồng ý. Trong lúc N1, N và T đang đứng đợi K thì Đỗ Thành N2 điều khiển xe mô tô chở Cao Kim N3 phía sau, trên đường đi chơi về đến cầu T gặp nhóm của N nên dừng xe lại nói chuyện.

Đối với K sau khi nghe điện thoại của N1 liền kể lại toàn bộ sự việc cho Thanh H nghe và nói nhóm của N có ý thách thức đánh nhau và nhờ Thanh H rủ thêm một số người khác đến cầu T để đánh nhóm của N thì được Thanh H đồng ý. Thanh H điện thoại gặp Trần Thanh P, Lê Văn L1, Phạm Phước H nói dối là Thanh H đang bị người khác chặn đường đánh nên kêu P, L1, Phước H đem theo hung khí và hẹn gặp nhau tại cầu S 2 để đi đến cầu N đánh nhóm của N thì được P, L1, Phước H đồng ý. Vào thời điểm Thanh H điện thoại rủ P, L1, Phước H thì Huỳnh Nhật T1, Phạm Trường T2, Võ Văn H1 cũng ở gần bên P, L1, Phước H nên biết được sự việc và tự nguyện đi cùng với P, L1, Phước H đến cầu S 2 để đánh nhau với nhóm của N.

Trước khi đi đánh nhau đồng bọn của K chuẩn bị hung khí và mang theo gồm: T1 đem theo 01 con dao cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại, chiều dài khoảng 20cm; P đem theo 01 con dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại màu trắng, chiều dài khoảng 68cm, cả hai con dao nêu trên được lấy tại vườn xoài của P; L1 đem theo 01 con dao tự chế cán và lưỡi bằng kim loại màu trắng, chiều dài khoảng 50cm, 01 cây gậy sắt chiều dài 63cm lấy tại phòng trọ của L1; Phước H đem theo 01 đoạn gỗ (cây cơ), chiều dài khoảng 1,2 mét tại bàn bi da (không rõ bảng hiệu) thuộc xã T, thành phố S.

Sau đó T1 điều khiển xe mô tô biển số xxxxx chở P; T2 điều khiển xe mô tô chở L1; Phước H và H1 mỗi người điều khiển 01 xe mô tô đến cầu S 2. Khi đến cầu S 2 thì T1, P, T2, L1, Phước H, H1 gặp Thanh H, K, Lê Quốc N4, Nguyễn Huỳnh K1, Nguyễn Lưu Loan N3, Huỳnh Thị Nga A, Nguyễn Thanh T3 và B (không rõ họ tên, địa chỉ). Lúc này K điều khiển xe mô tô chở Nga A, Thanh H điều khiển xe mô tô biển số xxxxx chở Loan Ngọc chạy trước dẫn đường, những người còn lại điều khiển xe chạy theo sau đến cầu N. Riêng H1 nhặt lấy một đoạn tre chiều dài khoảng 70cm, đường kính khoảng 05cm gần khu vực cầu S 2 đem theo để làm hung khí.

Khi đến cầu N, Thanh H hỏi K “Phải nhóm này không” thì K trả lời

“phải” nên cả nhóm vòng xe mô tô lại đầu sát vị trí của N1, N, T, Thành N2 và K1 N3 đang đứng chờ K trên cầu và nhóm của K đánh nhau với nhóm của N (T, Thành N2, K1 N3) cụ thể: T1 nhảy xuống xe cầm con dao bằng kim loại rượt đuôi T nên T leo lên lan can cầu nhưng chưa kịp nhảy xuống cầu thì bị T1 đâm 01 nhát trúng vào vùng lưng T và rơi xuống sông; H1 cầm 01 đoạn tre cùng với K rượt đuôi N thì N leo lên lan can cầu rồi nhảy xuống sông, H1 ném đoạn tre theo nhưng không trúng N (không thu hồi được); Phước H cầm đoạn gỗ chạy xuống dốc cầu N rượt đuôi một nhóm người vì cho rằng những người này là đồng bọn của nhóm N.

Cùng lúc này ở trên cầu N, nhóm của K xảy ra cãi vã với Thành N2, Kim N3 và đánh nhau: T2 dùng tay đánh 03 cái trúng vào vùng mặt của Thành N2 làm cho Thành N2, Kim N3 cùng xe mô tô ngã xuống mặt đường; T2 cầm mũ bảo hiểm màu đen đánh 01 cái trúng trực diện vào vùng mặt của Kim N3; Quốc N4, K1 xông vào dùng mũ bảo hiểm các loại đánh nhiều cái trúng vào vùng đầu của Thành N2; T1 dùng tay đánh nhiều cái trúng vào vùng đầu của Thành N2 và đập 01 cái trúng vào người Kim N3; P cầm dao tự chế chém 03 nhát trúng vào vùng bụng, cánh tay trái của Thành N2; L1 dùng cây gậy sắt đánh nhiều cái trúng vào vùng đầu, hông bên phải của Thành N2 và Kim N3; K thì dùng tay kéo ngã xe mô tô biển số xxxxx của N xuống mặt đường rồi dùng tay, chân dẫm, đạp vào xe của N.

Sau khi rượt đuổi, đánh, đâm, chém T, Thành N2 và Kim N3 xong thì nhóm của K lên xe chạy về xã T, thành phố S ném bỏ hung khí cụ thể: T2 bỏ lại mũ bảo hiểm màu đen tại hiện trường nhưng bị thất lạc không thu hồi được; H1 ném bỏ mũ bảo hiểm màu đen xuống con rạch cầu T thuộc khóm T, phường A, thành phố S không thu hồi được; T1 và Phước H thì lần lượt ném bỏ con dao bằng kim loại và 01 đoạn gỗ (cây cớ) xuống sông S không thu hồi được.

Đối với Kim N3, sau khi bị gây thương tích đã đến Công an phường A, thành phố S trình báo sự việc. T, Thành N2 và Kim N3 được người thân đưa đến Bệnh viện đa khoa S cấp cứu, do thương tích nặng nên T, Kim N3 được chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy, Tai mũi họng; Răng hàm mặt Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh để điều trị. Đến ngày 02/8/2018 thì T ra viện và ngày 10/8/2018 thì Kim N3 ra viện. Riêng Thành N2 không có nhập viện điều trị mà được Bác sỹ khâu lại các vết thương và mua thuốc về nhà điều trị. T, Kim N3 và Thành N2 có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với nhóm của K.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số x/TgT ngày 27/9/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế Đồng Tháp kết luận đối với Đỗ Thành N2:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương phần mềm số lượng sẹo ít, kích thước nhỏ.

2. Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đỗ Thành N2 do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 02%.

3. Kết luận khác: Tổn thương trên do vật tày gây ra.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số x/TgT ngày 27/9/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế Đồng Tháp kết luận đối với Cao Kim N3:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Gãy răng 3.1; 4.1; 4.2 đã được lắp răng giả; Gãy xương chính mũi; Gãy xương hàm trên bên phải đã phẫu thuật kết hợp xương.

2. Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Cao Kim N3 do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 19%.

3. Kết luận khác: Tổn thương trên do vật tày tác động gây nên thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số x/TgT ngày 27/9/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế Đồng Tháp kết luận đối với Nguyễn Hoàng T:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương phần mềm lưng phải gây tràn dịch màng phổi lượng nhiều đã được dẫn lưu màng phổi ổn định.

2. Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Hoàng T do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 04%.

3. Kết luận khác: Tổn thương trên do vật có cạnh sắc nhọn gây ra.

Quá trình điều tra các bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo Trần Huy K, Phạm Thanh H, Phạm Trường T2, Huỳnh Nhật T1, Trần Thanh P, Lê Văn L1, Võ Văn H1, Phạm Phước H và những người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án là Lê Quốc N2, Nguyễn Huỳnh K1 bồi thường thiệt hại, cụ thể:

Cháu Cao Kim N3 và chị Trần Thị Thu H2 (mẹ ruột của cháu N3) yêu cầu bồi thường tiền viện phí là 14.959.000 đồng; Chi phí khắc phục thẩm mỹ (trồng răng giả) là 103.000.000 đồng; Chi phí đi lại trong thời gian điều trị thương tích, tái khám là 7.500.000 đồng; Thu nhập thực tế bị mất do sức khỏe bị xâm phạm 6.200.000 đồng; Bù đắp tổn thất về tinh thần là 50 tháng lương cơ sở với số tiền 69.500.000 đồng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, cháu N3 và chị H2 yêu cầu bồi thường bổ sung chi phí điều trị thẩm mỹ phần mũi cho cháu N3 số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm cháu N3, chị H2 không yêu cầu Tòa án xem xét về chi phí điều trị thẩm mỹ phần mũi cho cháu N3 số tiền 100.000.000 đồng, cháu N3 và chị H2 sẽ khởi kiện vụ án dân sự khác.

Nguyễn Hoàng T yêu cầu bồi thường tiền viện phí 2.729.000 đồng; Chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 2.500.000 đồng; Chi phí đi lại trong thời gian điều trị thương tích 2.500.000 đồng; Thu nhập thực tế bị mất do sức khỏe bị xâm phạm là 9.000.000 đồng; Bù đắp tổn thất về tinh thần là 10.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thúy O (mẹ bị cáo T1) đã tự nguyện bồi thường cho T số tiền 15.000.000 đồng gồm tiền viện phí 2.729.000 đồng; Chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 2.500.000 đồng; Chi phí đi lại trong thời gian điều trị thương tích 2.500.000 đồng; Thu nhập thực tế bị mất 2.700.000 đồng; Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 4.571.000 đồng. Anh T yêu cầu bồi thường tiếp tục số tiền còn lại là 11.729.000 đồng gồm thu nhập thực tế bị mất 6.300.000 đồng; Tiền bù đắp tổn thất tinh thần 5.429.000 đồng.

Đỗ Thành N2 yêu cầu bồi thường tiền viện phí 207.000 đồng; Thu nhập thực tế bị mất do sức khỏe bị xâm phạm 200.000 đồng.

Chị Trần Thị Thu H2 (mẹ ruột của Kim N3) yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất do phải chăm sóc, nuôi dưỡng Kim N3 trong thời gian điều trị thương tích, tái khám 15 ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng, thành tiền 15.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Hoàng T4 (cha ruột của T) yêu cầu bồi thường phần thu nhập thực tế bị mất do phải chăm sóc anh T trong thời gian điều trị thương tích 15 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, thành tiền là 4.500.000 đồng.

Các bị cáo K, Thanh H, T2, T1, P, L1, H1, Phước H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cháu Quốc N4, cháu K1 không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của cháu Kim N3, anh T, anh Thành N2, chị H2 và anh T2 mà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố S đã tạm giữ và trao trả tài sản, đồ vật không liên quan đến vụ án gồm: 01 áo thun ngắn tay màu cam, 01 quần Jean dài màu đen cho bị cáo T1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đen, biển số xxxxx cho chị Nguyễn Thị Thúy O; 01 cái áo sơ mi dài tay màu đen, 01 quần Jean màu đen cho bị cáo H1; 01 mũ bảo hiểm màu đen, dây quay màu đen phía sau có chữ “Nón Sơn”, 01 nón kết màu đen hiệu H&M màu đỏ, 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh lam sẫm, sọc kẻ ngang có chữ Heng Dajef và sọc áo màu trắng, 01 quần Jean kiểu nam màu xanh da trời, túi trước bên phải có dòng chữ New Jeans cho Nguyễn Huỳnh K1.

Cơ quan điều tra Công an thành phố S còn thu giữ của bị cáo P gồm 01 con dao tự chế cán bằng cây được quấn băng keo màu trắng và dây vải màu nâu phía bên ngoài, chiều dài khoảng 20cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng 48cm, vỏ bằng giấy carton được quấn băng keo màu đen phía bên ngoài, chiều dài 48cm; 01 cái áo khoác dài tay màu đỏ trắng, bên ngực trái và lưng có chữ “A87 – Aeropostale”; 01 cái quần sọt Jean màu xanh đã qua sử dụng và thu giữ của bị cáo L1 gồm 01 cây gậy sắt chiều dài 63cm của bị cáo L1; 01 USB, bên trong có đoạn video ghi lại hình ảnh bị cáo Trần Huy K cùng đồng phạm thực hiện hành vi “Cố ý gây thương tích” trên cầu N vào ngày 29/7/2018.

Tại bản án sơ thẩm số 34/2019/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Phước H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Phước H mức án 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên bố các bị cáo Trần Huy K, Phạm Thanh H, Võ Văn H1, Phạm Trường T2, Huỳnh Nhật T1, Trần Thanh P, Lê Văn L1 phạm tội “Cố ý gây thương tích” và xử phạt các bị cáo Trần Huy K 03 năm tù, Phạm Thanh H 03 năm tù, Võ Văn H1 02 năm 06 tháng tù, Phạm Trường T2 03 năm 06 tháng tù, Huỳnh Nhật T1 02 năm tù, Trần Thanh P 03 năm tù, Lê Văn L1 03 năm tù; bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự; trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; về xử lý vật chứng; về án phí; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/7/2019 các bị cáo Phạm Trường T2, Trần Thanh P và Võ Văn H1 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 30/7/2019 bị cáo Phạm Phước H kháng cáo xin giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo. Ngày 02/10/2019 bị cáo H có nộp số tiền 9.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 06015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S để bảo đảm thi hành án.

Ngày 09/8/2019 bị cáo Phạm Trường T2 có văn bản về việc rút kháng cáo, ngày 14/8/2019 bị cáo Võ Văn H1 có văn bản về việc rút kháng cáo và ngày 22/8/2019 bị cáo Thanh P P có văn bản về việc rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Phước H thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm số 34/2019/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S đã xét xử. Bị cáo H nhận tội, đồng ý với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố đối với bị cáo, về hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm 03 tháng tù là quá nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo H có nộp số tiền 9.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại, vợ bị cáo là Nguyễn Thị Trúc L2 đang mang thai, nhưng vợ chồng bị cáo chưa đăng ký kết hôn do bị cáo chưa đủ tuổi kết hôn, nên bị cáo H xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Phước H trình bày lời bào chữa: Bị cáo Phước H chỉ muốn giúp bạn mình là Thanh H vì nghe tin Thanh H bị người khác đánh. Bị cáo Phước H không biết bị Thanh H lừa vì Thanh H không bị ai chặn đánh, nếu biết thì bị cáo Phước H không đi giúp Thanh H. Bị cáo H là đồng phạm trong vụ án hình sự trên, chứ không đánh và gây thương tích cho ai. Bị cáo H và các bị cáo khác trong vụ án không có thỏa thuận đi đánh nhau, nên Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo H có tính côn đồ là không đúng vì bị cáo H và bị hại không có mâu thuẫn, bị cáo không đánh bị hại. Bị cáo H có hành vi vi phạm pháp luật là do tin tưởng bạn bè, thiếu hiểu biết pháp luật, không gây thương tích cho ai trong

vụ án, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, vợ bị cáo đang mang thai, gia đình đang khó khăn nhưng bị cáo vẫn cố gắng làm việc để có tiền khắc phục một phần hậu quả và bị cáo chỉ là người giúp sức. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54, xử phạt bị cáo Phạm Phước H 12 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Phạm Phước H phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Xét mức án 02 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Phạm Phước H là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H kháng cáo xin giảm hình phạt và có nộp số tiền 9.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại một phần cho các bị hại. Đây là tình tiết mới ở Tòa án cấp phúc thẩm nên xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp. Bị cáo H không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của Bộ luật hình sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Phạm Phước H, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt, giảm hình phạt cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng và không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Phạm Phước H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Phước H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ sơ sở khẳng định Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2019/HS-ST ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp xử phạt bị cáo Phạm Phước H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo H là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện việc bị cáo H xem thường pháp luật. Do đó phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Khi lượng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo H là phù hợp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H có kháng cáo và nộp số tiền 9.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 06015 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp để bồi thường thiệt hại cho bị hại. Đây là tình tiết mới ở cấp phúc thẩm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên xem xét giảm hình phạt cho bị cáo H là có căn cứ.

Do mối quan hệ hôn nhân giữa bị cáo H và chị Nguyễn Thị Trúc L2 chưa tuân thủ quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình, mà cụ thể là chưa đăng ký kết hôn theo quy định nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy tình tiết bị cáo H có vợ đang mang thai không được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, H quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Phạm Phước H.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Phạm Phước H, sửa bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Phạm Phước H.

Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Phạm Phước H phù hợp một phần như đã nhận định trên, nên chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo của bị cáo H được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Phạm Phước H. Sửa bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Phạm Phước H.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Phước H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Phước H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về án phí: Bị cáo Phạm Phước H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ GD-KT 1);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TAND - VKSND thành phố S;
- CCTHADS thành phố S;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố S;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng GDKTNV-THA;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HS (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Hằng